

QUYỀN 54

Hỏi: Ý ngôn phân biệt, vạn hữu đều không thì danh nghĩa vô tính, trong sự thấy nghe tất cả chúng sinh lẽ ra chẳng bị điên đảo, vì trong danh không nghĩa, trong nghĩa không danh, thấy đều là khách ?

Đáp: Vạn pháp vốn không, do huân tập thành có. Trong bản không ấy dấy khởi các tình chấp điên đảo.

Luận Bảo Tánh ghi: “Hỏi: Trong danh không nghĩa, trong nghĩa không danh, cả hai đều là khách, nếu người chấp danh khác nghĩa, nghĩa khác danh, người này đã không còn điên đảo thì đối với nghĩa lẽ ra không thiên chấp, nghe nói đẹp xấu không sinh tâm vui buồn, vì danh nghĩa không liên quan, nên biết nghĩa khách là do ông điên đảo ?

Đáp: Do lâu ngày luôn huân tập điên đảo nên có thiên chấp, chẳng liên hệ đến sự phù hợp với danh nghĩa. Do danh ngôn huân tập tâm nên chắc chắn do pháp môn này sinh tâm phân biệt khởi thiên chấp hư vọng”.

Kinh Mật Nghiêm có kệ:

Khi ấy Kim Cang Tạng bảo với đại chúng rằng:

*Lại-da từ xưa nay
Do hí luận huân tập
Các nghiệp hoặc trói buộc
Luân chuyển không cùng tận
Như đại dương mênh mông
Gió mạnh dấy sóng mòi
Luôn sinh cũng luôn diệt
Chẳng đoạn cũng chẳng thường
Do chẳng ngộ tự tâm
Theo thức cảnh giới hiện.
Nếu sáng tỏ tự tâm
Như lửa cháy củi hết
Thông đạt pháp vô lậu*

Gọi là bậc Thánh nhân.
Tàng thức biến các cảnh
Đầy khắp cả thế gian
Ý chấp ngã, ngã sở
Tư lương luôn lưu chuyển
Các thức loại sai biệt
Mỗi mỗi biết tự cảnh
Tích tập nghiệp là tâm
Khấp tích tập là ý
Liễu biệt gọi là thức.
Năm thức duyên hiện cảnh
Như mắt bệnh nhìn vật
Cái thấy ấy sai lầm
Trong tâm dường như sắc
Phi sắc chấp là sắc
Ví như châu ma-ni
Nhờ ánh hồng chiếu soi
Tùy theo chỗ ứng hiện
Tuôn xuống các báu vật.
A-lại-da cũng thế,
Như Lai tạng thanh tịnh
Hòa hợp với tập khí
Biến hiện khắp thế gian
Tương ứng với vô lậu
Tuôn các pháp công đức
Ví như sữa biến đổi
Thành sữa chua, sữa loãng.
Tạng thức cũng như thế,
Biến tợ ra các sắc
Như mắt bệnh thấy vòng
Hữu tình cũng như thế
Do tập khí xấu ác

Ẩn chứa trong tàng thức
Ở nơi chẳng phải sắc
Lại thấy là các sắc.
Như trông thấy sóng nắng
Xa lìa có và không
Chỉ do lại-da hiện.
Các ông nương nhãn sắc
Sinh dường như sắc thức
Như huyền hóa trong mắt
Phiêu động như lửa cháy.
Sắc đều là tạng thức
Tương ứng với sắc tập
Biến tợ thể phi hữu
Người phu vọng phân biệt
Say mê và phóng dật
Ngồi nằm chạy cuống cuồng
Dấy khởi các sự nghiệp
Đều là a-lại-da.
Như vàng hồng rực rỡ
Tỏa sáng khắp mặt đất
Sóng nắng loang loáng nước
Thú khao khát chạy tìm.
Lại-da cũng như thế
Thể tính chẳng phải sắc
Nhưng dường như sắc hiện
Ác giác sinh đả nhiễm.
Như nam châm hút sắt
Chuyển dời thật nhanh chóng
Tuy không có tình thức
Tợ tình thức lay động.
Thức lại-da cũng thế
Bị sinh tử chi phối

Qua lại trong các loài
Phi ngã mà tợ ngã.
Như vật nổi trên biển
Vô tư trôi theo dòng
Lại-da vô phân biệt
Vận hành đến thân sau.
Như hai voi đánh nhau
Con bị thương rút lui
Thức lại-da cũng thế
Dứt nhiệm không lưu chuyển.
Như hoa sen trong sạch
Lìa bùn càng thanh khiết
Trời người đều thọ dụng
Được mọi người trân kính.
Thức lại-da cũng thế
Ra khỏi bùn tập khí
Chuyển y được thanh tịnh
Phật, Bồ-tát tôn trọng.
Ví như báu thù thắng
Kẻ quê mùa xem thường;
Vua chúa đội trên đầu
Dùng làm đồ trang sức.
Thức lại-da cũng thế
Là Phật tính thanh tịnh
Nơi phàm luôn tạp nhiễm
Quả Phật thường gìn giữ.
Như ngọc đẹp trong nước
Bị rong rêu che phủ,
Lại-da trong sinh tử
Bị tập khí bủa vây
Thức lại-da nơi đây
Sinh khởi hai chấp tướng.

Như rắn có hai đầu
Vui vẻ đi với nhau.
Lại-da cũng như thế
Đầy đủ với các sắc
Tất cả các thế gian
Nắm lấy cho là sắc
Kẻ ác giác mê lầm
Chấp là ngã, ngã sở
Hoặc có, hoặc chẳng có
Tha hồ tạo thế gian
Lại-da tuy biến hiện
Thế tính rất sâu xa
Đối với người vô trí
Đều không thể rõ biết.
Ví như nhà ảo thuật
Biến ra các loài thú
Hoặc đi hoặc chạy nhảy
Như hữu tình chẳng thật.
Lại-da cũng như thế
Huyễn tạo nơi thế gian
Tất cả loài hữu tình
Thế tính không chân thật
Người ngu không thể biết
Vọng sinh ra chấp trước
Khởi lên những kiến chấp
Như vi trần thắng tính,
Như phân biệt hữu vô,
Về Phạm thiên, trượng phu.

Hỏi: Mắt thấy sắc là mắt thấy hay thức thấy ?

Đáp: Nhãn, thức, cảnh mỗi thứ riêng biệt đều không thể thấy, ba thứ hòa hợp nên tạm gọi là thấy. Các căn còn lại như nghe, ngửi, nếm, chạm cũng thế.

Luận Tạp Tập nói: “Chẳng phải mắt thấy sắc, cũng chẳng phải thức thấy sắc, vì hai pháp này vô tác dụng. Do có hòa hợp tạm gọi là thấy, nên nói mắt hay thấy sắc”.

Lại thức chọt ra chọt vào nơi căn, như nai mắc lưới, chim trong lồng, mổ một chút nghỉ một chút rồi lại tiếp tục như vậy. Thức nơi căn cũng như thế, hoặc nơi tai, hoặc nơi mắt, qua lại vô định, không thể chấp thường tuy là vô định tương tục không gián đoạn. Tại sao không gián đoạn ? Vì diệu dụng không gián đoạn. Nếu phàm phu bị sắc trần ràng buộc không được tự tại, thấy một pháp liền bị một pháp trở ngại, chẳng thể viên thông pháp giới.

Thế nên *kinh Kim Cang* nói: “Nếu Bồ-tát tâm trụ nơi pháp thực hành bồ thí như người vào nhà tối không thấy gì cả”.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: “Do trần phát sinh hiểu biết, nhờ căn có tướng, tướng phân kiến phần vô tính giống như bó lau”.

Do trần phát sinh hiểu biết là kiến phần.

Nhờ căn có tướng là tướng phần.

Tướng phần và kiến phần vô tính, là tâm cảnh sinh lẫn nhau đều vô tự thể; tâm chẳng tự lập, do trần phát sinh hiểu biết; cảnh chẳng tự sinh, nhờ căn có tướng. Hai thứ hư vọng tựa vào nhau như bó lau. “Tri kiến lập tri là gốc vô minh; tri kiến vô kiến, đây là niết-bàn”. Nếu thấu rõ cái thấy không thể thấy là thông cả pháp giới, cái thấy ấy là niết-bàn. Nếu thấu tỏ cái nghe không thể nghe là thông cả pháp giới, cái nghe ấy là niết-bàn. Tất cả pháp xưa nay niết-bàn vì tâm phân biệt vọng thấy ngăn cách, chẳng biết tự thức trở thành vô minh.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: “Nhờ sáng mới thấy, tối thì không thấy, chẳng phải sáng tự phát. Nếu chẳng nhờ sáng tối để thấy thì lúc thấy sắc là thấy các căn khác. Nếu lìa niệm thì thấy cả pháp giới, tất cả tướng của núi Thiết-vi không thể che”. Nếu sáu căn ẩn thì không có tướng sáu căn, như mười người bị bệnh mắt đều thấy hoa đốm trong hư không; mắt của một người còn tốt thì không thấy,

chín người còn lại vẫn thấy. Mỗi người tự trừ vọng kiến thì không còn thấy tất cả tướng, mọi vật đều chân.

Lại mười cái hoa đóm một người có thể thấy, mười người mắt lành không thấy có hoa đóm. Chỉ cần một vọng trừ thì chẳng thấy các tướng; một tướng là tất cả tướng, vì tất cả tướng đều do tâm mình sinh khởi. Do đó biết một khi bệnh mắt thì nghìn hoa đóm lăng xăng, một tâm niệm vọng động thì các trần cùng khởi. Nếu có thể ly niệm thì ngay đạo tràng chuyển đại pháp luân đều thành Phật đạo.

Hỏi: Khi tai nghe âm thanh thuyết pháp gồm có mấy thức ?

Đáp: Có đủ ba thức. Trước tiên thức thứ tám gá vào thanh, danh, cú, văn vô lậu của Phật làm bản chất để rõ; nhĩ thức duyên âm thanh, ý thức đồng thời duyên danh, cú, văn v.v... mới được gọi là nghe.

Cổ đức hỏi: Lúc duyên thanh, danh, cú, văn của Phật là từ nhĩ thức, ý thức duyên được danh, cú, văn gọi là nghe hay là phải từ thức thứ tám nương âm thanh bản chất của Phật biến khởi tướng phần để rõ nhĩ thức ý thức gá tướng phần để bát thức làm bản chất, biến ra tướng phần để duyên mới được nghe ?

Đáp: Nếu vậy thì có gì nghi vấn! Cả hai đều có lỗi. Nếu thức thứ tám trước hết chẳng biến ra Phật thanh, nhĩ thức và ý thức bèn duyên danh cú văn, tức là sáu thức trước trong nhân yếu kém không thể duyên trực tiếp, trước phải nhờ thức thứ tám biến. Nếu thức thứ tám trước chẳng biến thì ngoài tâm có pháp, duy thức chẳng thành.

Nếu nhờ tướng phần của thức thứ tám làm chất duyên thì tướng phần do thức thứ sáu biến không có danh, cú, văn; nếu không có danh, cú, văn thì ý chẳng thể sinh sự hiểu biết. Vì thức thứ tám chỉ biến được bản chất chân thật của âm thanh Phật, trên bản chất này không có danh, cú, văn nên thức thứ tám chẳng duyên.

Ở đây đáp rằng lý thật thức thứ sáu duyên tướng phần thức thứ tám làm cảnh, nghĩa là âm thanh bản chất Phật và âm thanh

ảnh tượng từ thức thứ tám biến ra hợp thành một âm thanh. Âm thanh bản chất của Phật đã có danh, cú, văn, thức thứ tám ở nơi nhĩ căn duyên âm thanh tương phần thức thứ tám có đủ danh, cú, văn, vì trên âm thanh bản chất của Phật có danh, cú, văn. Như người thế gian cùng thấy một tờ văn thư, nếu chẳng biết người viết văn thư, chỉ thấy giấy trắng mực đen thì không biết được nghĩa lý sai biệt trên văn thư. Trái lại, nếu rõ người viết văn thư, khi xem văn thư có thể biết nghĩa lý sai biệt trong ấy. Nay nhĩ thức và thức thứ tám như chẳng biết người viết văn thư, chỉ thức thứ sáu như biết người viết văn thư, vì thức thứ sáu đã duyên âm thanh thật và cũng duyên được danh, cú, văn.

Lại âm thanh là sở y, danh cú văn là năng y; danh cú văn có là nương nơi âm thanh thật. Đã có âm thanh thật thì danh cú văn tự có sự liên đới trên âm thanh, vì ý thức hay phân biệt nên tự nhiên duyên được.

Lại nghe là tỷ lượng, lúc nghe ba thứ danh, cú, văn nhằm trên tâm sở so lường sinh hiểu biết, chỉ có thức thứ sáu có tỷ lượng, nếu duyên danh nghĩa liền ở trong ý.

Hỏi: Nghe pháp là nương nhờ bi nguyện chư Phật làm bản chất tạo ra tăng thượng duyên, chỉ ở trên tâm thức của chúng sinh biến ra ảnh tượng tương phần văn nghĩa, đây đúng là không có pháp ngoài tâm, vì người cố chấp thấy không tin việc trong thế pháp, làm thế nào dẫn chứng để về sau tin vào môn nhất thừa ?

Đáp: Thế pháp là Phật pháp, Phật pháp là thế pháp, tại sao lại nêu sự việc để so sánh ? Nhưng vì người chưa tin thật sự nên phải nhờ phương tiện. Nếu nói so sánh mà biết thì chạm mắt đều phải, thử nêu lên một vài thí dụ để suy ra tông chỉ này. Như ở Ấn Độ, Bà-la-môn muốn được thông minh thường cúng dường thiên thần v.v..., sau đó trong chiêm bao thấy thiên nhân trao cho pháp chú luận v.v... Nhưng kỳ thật trong chiêm bao không có thiên nhân nói cho pháp chú luận thông minh; chỉ là nhờ thiên nhân làm tăng thượng duyên, trên tâm thức chính mình biến ra luận chú. Chúng

sinh thấy nghe cũng thế, ví dụ chiêm bao này rất gần gũi, vì trong chiêm bao thật sự không có ngoại cảnh, đều là mộng tâm biến khởi, đúng là hiện chứng.

Lại nữa ở Trung Quốc, Châu Sướng đang làm ruộng, mẹ muốn ông trở về nhà bèn cắn ngón tay, Châu Sướng đang ở ngoài đồng cảm thấy tim đau nhói, ông nghĩ: “Có lẽ mẹ ta mong ta về”. Ông liền quay về, quả đúng như thế! Mẹ tuy có ý nghĩ gọi con nhưng chẳng thốt ra lời; Như Lai cũng thế, chỉ có tâm thuyết pháp mà chẳng nói pháp, vì từ nơi tâm chúng sinh biến khởi. Nếu hiểu đúng thì bi nguyện của chư Phật là ứng, căn cơ chín mùi nên nghe là cảm; cảm ứng đạo giao phi nhất phi dị, duy tâm mới hiển, chẳng rơi vào đoạn thường, không thể chấp một bên, trái với trung đạo.

Hỏi: Căn trần đối nhau hiện chứng rõ ràng làm thế nào viên thông vào được lý không ?

Đáp: Nhãn đối sắc trần không mà có thấy, nghiệp quả dị thực bất khả tư nghi, chỉ có trí mới biết, chẳng phải tình thức suy lường. Thật tính của các pháp thân chứng mới rõ, có thấy có nghe là tâm lượng thế tục.

Nếu y cứ chân đế, căn cảnh đều không như trong môn thế tục thấy vô tự tính, nhãn thảng nghĩa căn như lửa vừa có thể phát sinh thức, vừa có thể chiếu soi cảnh; thức như con người hay liễu biệt, cảnh như vật. Cho nên biết không căn thì chẳng thể phát thức, không thức thì chẳng thể rõ cảnh, không cảnh thì chẳng thể khởi thấy. Ba pháp này hòa hợp mới thành cái thấy thì cái thấy không từ đâu, chỉ do hòa hợp mà chẳng thật có. Như *kinh Tư Ích* có kệ:

*Thấy cả mười phương cõi
Tất cả loài chúng sinh
Tuy ở trong nhãn sắc
Trọn chẳng sinh hai tướng.
Những gì Phật diễn nói
Tất cả đều nghe nhận
Nhưng ở nơi nhĩ thanh*

*Cũng chẳng sinh hai tướng
Hay ở trong nhất tâm
Biết tâm niệm chúng sinh
Tâm mình và tâm người
Chẳng phân biệt hai thứ.*

Phẩm Phá Căn Cảnh trong *luận Quảng Bách Môn* ghi: “Nếu chấp căn trần là có thật hẳn là chẳng đúng. Vì sao ? Vì trái với tỷ lượng, nghĩa là mắt chẳng thể thấy, tai chẳng thể nghe, mũi chẳng thể ngửi, lưỡi chẳng thể nếm, thân chẳng thể cảm giác. Các căn trần đều do tính tạo sắc, hoặc vì đại chủng, hoặc vì nghiệp quả. Lại vì các căn đều có chất ngại nên có thể phân tích khiến nó trở về không dễ đưa đến lỗi vô cùng, vì thế đừng nên chấp là thật có, chỉ là tự tâm theo nhân duyên hư giả biến hiện như những việc huyền hóa nơi tục đế thì có, nơi chân đế thì không”.

Phẩm Phá Tình ghi: “Mắt đi đến sắc thấy hay chẳng đi đến sắc thấy ? Nếu mắt đến sắc thấy thì sắc ở xa lẽ ra thấy chậm, sắc ở gần phải thấy nhanh. Vì sao ? Vì pháp đến đi là như thế! Nhưng chiếc bình ở gần, mặt trăng ở xa ta đều thấy một lượt, do đó biết mắt chẳng đi đến. Nếu không đi đến thì không hòa hợp”.

Lại nữa, nếu nhãn lực không đến sắc mà thấy thì tại sao thấy gần chẳng thấy xa ? Xa gần lẽ ra phải thấy một lượt, cho nên biết tính thấy không từ đâu; các căn cũng như thế. Như *Tự Tha Quán Môn* trong *Hoàn Nguyên Tập* ghi: “Hai thân là tự tha; thân người là tha, thân mình là tự. Một thân còn là tự tha, sắc thân là tha, tâm là tự. Tâm còn là tự tha, tâm là tha, trí là tự. Trí lại có tự tha, có trí sở đắc là tha, không trí sở đắc là tự. Không trí sở đắc lại có tự tha, tịnh trí là tha, tịnh cũng tịnh là tự”. Quán thân thật tướng, quán Phật cũng thế. Cúi lạy hư không vô sở y, tâm tịnh vượt qua các thiền định, vô trụ thì vô bản giác, đây gọi là Phật. Giả danh gọi là Phật, cũng không có Phật để thành. Không thành có thể thành không xuất có thể xuất, đây gọi là Phật xuất. Không chỗ thấy được thấy rõ ràng, thấy rõ ràng không chỗ thấy, chỉ có danh tự, tính danh tự

rỗng không có thật. Bóng trong gương như hư không, hư không như bóng trong gương; sắc tâm như hư không, hư không như sắc tâm. Sắc tâm như bóng trong gương; bóng với gương chẳng phải hai cũng chẳng phải một. Nếu có thể hiểu như thế, chư Phật xuất hiện từ trong ấy chỉ có danh, như hư không dội tiếng vang, là đạo cứu cánh vô tâm, pháp pháp tự nhiên bình đẳng, nơi bình đẳng cũng không bình đẳng, không bình đẳng lại nói bình đẳng, trong ấy đường ngôn ngữ bật, chỗ tâm hành dứt. Nhãn không nhờ sắc không, sắc không nhờ nhãn không, hai thứ không này tự nương nhau không có giặc nhãn thức. Nhĩ không nhờ thanh không, thanh không nhờ nhĩ không, hai thứ không tự nương nhau không có giặc nhĩ thức. Tỷ không nhờ hương không, hương không nhờ tỷ không, hai thứ không tự nương nhau không có giặc tỷ thức. Thiệt không nhờ vị không, vị không nhờ thiệt không, hai thứ không tự nương nhau không có giặc thiệt thức. Thân không nhờ xúc không, xúc không nhờ thân không, hai thứ không tự nương nhau không có giặc thân thức. Tâm không nhờ pháp không, pháp không nhờ tâm không. Chỉ còn lại một cái không có thể nương hai thứ không, cũng có thể nương một cái không, ấy là không không, tạm gọi là kiến đế. Nếu biết sáu căn thanh tịnh thì không có giặc sáu trần; nếu không có giặc sáu trần, tâm vương tự thanh tịnh, đem phương tiện giáo hóa phàm phu; dùng danh tự hiển bày Phật tính.

Giải thích:

Thế nên nếu nhãn không, sắc chẳng không; sắc không, nhãn chẳng không thì không thể nương nhờ nhau, vì căn cảnh khác biệt, hẳn sẽ xâm hại. Nếu cùng một tính thì không nghi. Như ở thế gian nếu là người lương thiện thì có thể nương tựa, còn người ác hạnh thì không thể nhờ cậy, vì tính tình khác biệt. Sáu căn trần hòa đồng đã thế, tất cả muôn pháp thuận theo ý chỉ cũng như vậy. Do đó *Kinh Thủ Lăng Nghiêm* ghi: “Phật bảo A-nan: Căn và trần đồng một nguồn, trói và cởi không phải hai, thức tính hư vọng cũng như hoa đóm giữa hư không. A-nan, do trần phát cái biết, nhân căn có

tướng, tướng phần và kiến phần vô tính như những cây lau tựa vào nhau. Thế nên nay ông tri kiến lập tri là gốc vô minh; tri kiến vô kiến là niết-bàn vô lậu chân tịnh, tại sao trong ấy lại còn có vật gì khác ?”

Hỏi: Sắc trần chất ngại có thể phân tích trở về không, tính âm thanh rỗng suốt lẽ ra thật có ?

Đáp: Thanh trần sinh diệt động tĩnh đều không âm thanh chẳng đến nhĩ căn, nhĩ căn chẳng đến âm thanh. Trong đó đã không một vật vắng lai thì tâm cảnh đều rỗng không, âm thanh không thật có.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm ghi: “Lại nữa A-nan, vì sao bản tính của mười hai xứ vốn là tính chân như nhiệm mầu của Như Lai tạng ?

A-nan, ông hãy xem rừng cây Kỳ-đà và các suối ao; ý ông nghĩ thế nào ? Đây là sắc trần sinh ra cái thấy của mắt, hay nhãn căn sinh ra sắc tướng ?

A-nan, nếu nhãn căn sinh ra sắc tướng thì khi thấy hư không không có sắc tướng, lẽ ra tính thấy đã mất. Đã mất thì lẽ ra hết thấy đều không; sắc tướng đã không thì lấy gì rõ được tướng hư không ? Đối với hư không thì cũng như vậy.

Lại nếu sắc trần sinh ra cái thấy của mắt thì khi thấy hư không, không có sắc cái thấy liền mất, đã mất thì tất cả đều không, cái gì rõ được hư không và sắc tướng ?

Vậy nên biết rằng cái thấy cùng sắc, không đều không có nơi chốn; tức sắc trần và cái thấy, cả hai đều hư dối, vốn chẳng phải tính nhân duyên, chẳng phải tính tự nhiên”.

Về thanh xứ, văn kinh nói: “A-nan, ông lại nghe trong vườn Kỳ-đà này khi bữa ăn đã dọn tiếng trống được đánh lên, khi chúng nhóm lại thì đánh chuông, tiếng chuông tiếng trống trước sau nối nhau. Ý ông nghĩ thế nào ? Đây là âm thanh đến bên tai hay tai đến chỗ âm thanh ? A-nan, nếu âm thanh đó đến bên tai thì cũng như ta khát thực trong thành Thất-la-phiệt, tại rừng Kỳ-đà không có ta. Âm thanh ấy đã đến bên tai của A-nan thì lẽ ra Mục Liên, Ca-diếp

đều không nghe, huống chi trong đây có 1250 vị sa-môn, một khi nghe tiếng chuông họ cùng đến nơi thọ thực.

Lại như tai của ông đến bên âm thanh thì như ta đã về rừng Kỳ-đà thì trong thành Thất-la-phiệt không có ta. Vậy khi ông nghe tiếng trống, tai của ông đã đến chỗ tiếng trống thì khi tiếng chuông phát ra, lẽ ra ông không thể nghe cả hai bên, huống nữa ông còn nghe được cả tiếng voi, ngựa, trâu, dê và nhiều tiếng khác. Còn nếu không đi đến với nhau thì lại không nghe.

Vậy nên biết rằng cái nghe và âm thanh đều không có nơi chốn; tức cái nghe và âm thanh, cả hai đều hư dối, vốn chẳng phải tính nhân duyên, chẳng phải tính tự nhiên”.

Về hương xú, văn kinh nói: “A-nan, ông hãy ngửi hương chiên-đàn trong lư này, hương ấy nếu đốt đến một thù thì cả thành Thất-la-phiệt trong 40 dặm đồng thời đều ngửi mùi thơm. Ý ông nghĩ thế nào ? Mùi thơm ấy sinh ra từ gỗ chiên-đàn, hay sinh từ mũi ông, hay sinh từ hư không ?

A-nan, nếu mùi thơm ấy sinh ra từ mũi ông, đã gọi từ mũi sinh ra thì phải bốc ra từ mũi, mũi chẳng phải chiên-đàn, làm sao trong mũi lại có được mùi chiên-đàn ? Lại đã gọi là ông ngửi mùi thơm thì mùi thơm phải vào trong mũi, còn trong mũi phát ra mùi thơm mà nói rằng ngửi được thì không đúng nghĩa.

Nếu sinh ra từ hư không thường hằng, mùi thơm phải còn mãi, cần gì phải nhờ đốt gỗ chiên-đàn trong lư. Nếu mùi thơm sinh ra từ gỗ chiên-đàn thì cái chất thơm ấy nhân đốt thành khói; nếu mũi ngửi được thì lẽ ra khói phải xông đến mũi, nhưng khói ấy bay lên hư không chưa được bao xa làm sao trong 40 dặm đã ngửi được mùi thơm.

Vậy nên biết rằng mùi hương, mũi và cái ngửi đều không có nơi chốn, tức cái ngửi và hương trần cả hai đều hư dối, vốn chẳng phải tính nhân duyên, chẳng phải tính tự nhiên”.

Về vị xú, văn kinh nói: “A-nan, ông thường hai thời ở trong chúng ôm bát khát thực, có khi được những món ngon như tô, lạc,

đề-hồ. Ý ông nghĩ thế nào ? Vị ấy sinh ra từ hư không hay từ lưỡi của ông hay từ thức ăn ?

A-nan, nếu vị ấy sinh ra từ lưỡi của ông thì ở trong miệng ông chỉ có một lưỡi; lưỡi lúc bấy giờ đã thành vị rồi, nếu gặp đường phèn lẽ ra cái vị không dòi dôi; mà nếu không dòi dôi thì không được gọi là biết vị; còn nếu dòi dôi thì lưỡi chẳng phải có nhiều thể, làm sao một lưỡi lại biết được nhiều vị.

Nếu sinh ra từ thức ăn thì đồ ăn không có tri giác làm sao tự biết được vị ? Lại thức ăn tự biết thì đồng như người khác ăn, nào có dính dáng đến ông mà gọi rằng ông biết vị.

Nếu sinh ra từ hư không thì ông hãy ném hư không xem là vị gì. Nếu hư không ấy có vị mặn thì đã làm mặn lưỡi của ông, cũng làm mặn cái mặt của ông và mọi người trong cõi này cũng như cá biển đã thường biết mặn, hoàn toàn không biết thế nào là nhạt. Nếu không biết nhạt thì lại cũng không biết mặn. Mà đã không biết gì cả thì làm sao gọi là vị ? Vậy nên biết rằng vị trần, lưỡi và cái ném đều không có nơi chốn; tức cái ném và vị, cả hai đều hư dối, vốn chẳng phải tính nhân duyên, chẳng phải tính tự nhiên”.

Về xúc xú, văn kinh nói: “A-nan, ông thường sớm mai lấy tay xoa đầu, ý ông nghĩ thế nào ? Cái biết xoa đó, lấy cái gì làm năng xúc ? Cái biết ở nơi tay hay ở nơi đầu ? Nếu ở nơi tay mà cái đầu không biết thì làm sao thành xúc ? Còn nếu nó ở nơi đầu, tay trở thành vô dụng thì làm sao gọi là xúc ? Nếu cả hai đều có xúc thì lẽ ra A-nan phải có hai thân.

Nếu cả đầu và tay đều do một xúc giác sinh ra thì tay và đầu lẽ ra chỉ có một tự thể; nếu chỉ có một tự thể thì xúc giác không thành lập được. Còn nếu là hai thể thì xúc giác ở đâu ? Ở bên năng thì không ở bên sở, ở bên sở thì không ở bên năng; chẳng lẽ hư không tạo thành xúc giác cho ông ?

Vậy nên biết rằng xúc giác và thân đều không có nơi chốn; tức cái thân và xúc, cả hai đều hư dối, vốn chẳng phải tính nhân duyên, chẳng phải tính tự nhiên”.

Về 12 căn trần không có nơi chốn thì sáu căn trước không chỗ vào; sau đó 18 giới không ranh giới để phân, có thể chứng nghiệm trong cõi chúng sinh như hiện hành tâm cảnh hiện tại đều không, các pháp giả lập trong thế tục để đều là không.

Những gì Tông Cảnh ghi chép đều là pháp môn hiện chứng, một khi thể nhập đều là chân thật, không có trước sau. Nếu như chẳng tin chỉ lặng lẽ quán, nêu thấy một niệm vô sinh tự nhiên ngầm hợp với kinh. *Kinh Bồ-tát Niệm Phật Tam-muội* có kệ:

*Thân này thường vô tri
Như cỏ cây gạch ngói
Bồ-đề không hình sắc
Tịch diệt hằng bất sinh
Thân chẳng chạm bồ-đề
Bồ-đề chẳng chạm thân
Tâm chẳng chạm bồ-đề
Bồ-đề chẳng chạm tâm
Nhưng lại hay chạm nhau
Đúng là bất tư nghì!*

Giải thích:

Cho nên biết mắt chẳng đến sắc, tai chẳng đến thanh mà có thấy nghe, đây là bất khả tư nghì. Vì trong tự tính lìa tất cả mà được hiển hiện nên biết sáu căn không đối đãi, đều là pháp môn vô tranh; các cảnh rỗng không đều hợp đạo bất nhị thì cảnh giới chúng sinh thật sự bất khả tư nghì; đâu cần mong cầu xa xôi tác dụng của chư Thánh mà tự khinh mình kém cõi ?

Tông Cảnh chiếu soi chỗ si ám của chúng sinh, như ánh quang minh của chư Phật, khiến cho chúng sinh khắp pháp giới đều viên chứng. Như *kinh Pháp Tập* ghi: “Tu-bồ-đề bạch Phật: Thế Tôn, hai pháp nhãn và sắc không có chỗ cạnh tranh, vì chẳng hòa hợp, vì hai pháp này chẳng đến nhau. Hễ pháp chẳng hợp, chẳng đến đều không chống trái. Bạch Thế Tôn, pháp không có hai nên chẳng tranh cãi”.

Phẩm Phá Căn Cảnh trong *luận Quảng Bách Môn* ghi: “Lại nữa, nếu nhĩ căn và cảnh hợp mà biết thì không thể xa gần đồng nghe một lượt. Nếu âm thanh đến từ vật chất thì đã có xa gần nên không thể trong một niệm đồng đến nhĩ căn; tai không nghe rõ nên không thể đến cảnh.

Lại nữa âm thanh là chất liệu vào tai nghe được cũng chẳng đúng lý. Tiếng chuông tiếng trống v.v... hiện tại chẳng là chất liệu, vì ở xa có thể nghe. Nếu tai và âm thanh không nghe mà giữ lấy như mùi hương v.v... chẳng rõ phương hướng. Nếu tai chẳng hợp với âm thanh mà nghe thì lẽ ra không xa gần tất cả đều nghe; vì chẳng hợp với thể vô tướng vô biệt nên lẽ ra tất cả đều chẳng nghe. Thế nên nhĩ căn và âm thanh hợp và chẳng hợp thật sự giữ lấy tự cảnh cả hai đều chẳng thành”.

Lại nói: “Nếu tâm hướng đến trần thể thì chẳng khắp, tâm thường đến cảnh lẽ ra chúng ta không có tâm, nhưng tâm vi tế luôn ở trong thân trong lúc ngủ say hay chiêm bao tâm vẫn vận hành; khi bất tỉnh thì nó tạm ngưng; lúc mệt nhọc nó mạnh thêm, lúc thức dậy liền có mặt, vì tâm giữ gìn thân, vì tâm biết được xúc thân. Nếu trong thân không có tâm như tử thi, làm hại không phạm tội, cúng dường cũng chẳng được phước thì lẽ ra đồng với không kiến của ngoại đạo”.

Có người chấp: tâm thể chẳng khắp, chẳng vận hành, chỉ tác dụng của tâm có vận hành, cũng đồng với lỗi này, vì tác dụng của tâm và tâm thể chẳng là nhau.

Nếu tâm thể hướng đến tiền trần, có chạm vào nội thân lẽ ra không có cái biết cảm nhận, lẽ ra suy nghĩ nhiều chẳng tổn nội tâm. Các tông chấp căn cảnh thật có như vậy đều chẳng đúng lý, niềm tin ấy chẳng đúng.

Lại tất cả nghĩa tướng của các pháp hữu tình vô tình ở thế gian như nương vào sóng nắng sinh ra ảo tưởng là nước, cũng do lời nói của người dối gạt mê lầm tự tâm. Do vọng tưởng lập ra căn trần và các thứ sai biệt nơi thế gian, như nương vào vọng tưởng nhiều pháp

được thành là giả chẳng phải thật, cho nên nói tướng uẩn cho đến như các việc hư huyền thể tính tuy không nhưng hay phát sinh các vọng thức. Nhãn thức v.v... cũng vậy, thể tướng đều rỗng không, như dối gạt người sinh vọng thức khác; tướng theo đây phát sinh cảnh nào phải là thật? Căn cảnh hư dối cũng như việc huyền hóa.

Kinh Đại Tập có kệ:

*Chí tâm niệm pháp, tư duy pháp,
Cho nên chẳng thấy sắc và thanh.
Nếu được vào sâu trong pháp giới
Khi ấy không còn sắc và thanh ...*

Luận Bát Nhã Đẳng có kệ:

*Mắt chẳng thấy sắc trần
Ý chẳng biết các pháp
Đây là thật tối thượng
Người đời không biết được.*

Thế nên căn cảnh duy tâm, danh tướng đều bật, nên biết thể đế, chân đế cùng hướng Phật thừa, hữu tình vô tình đều quay về trí giác. Vì trong chân không tuyệt danh tuyệt tướng, đường tâm trí dứt, đây là bất khả tư nghì. Vì trong tục đế cái có như huyền như hóa mà hiển hiện trong cái không, đây là bất khả tư nghì, tình thức không thể biết, hữu vô không thể lường. Vì thế *luận Quảng Bách Môn* nói pháp thế gian có năm thứ khó lường. Tụng rằng:

*Những việc ở thế gian
Tất cả đều khó lường
Căn cảnh lý cũng vậy
Người trí nào lạ gì!*

Luận nói: Như một ý nghĩ có thể đưa đến nghiệp cảm vô biên quả tướng sai biệt trong ngoài ở vị lai dù người thợ lành nghề cũng không thể làm được, đây là việc thứ nhất thế gian khó lường.

Lại như hạt giống bên ngoài sinh ra mầm mống vô lượng cành nhánh hoa lá rễ quả, hình sắc rục rờ, đây là việc thứ hai thế gian khó lường.

Lại như cây hoa Vô Ưu, kỹ nữ chạm vào trăm hoa đua nở, cành lá phát phơ như có tâm yêu mến, đây là việc thứ ba thế gian khó lường.

Lại như cây hoa Như Nhạc Âm, khi nghe âm nhạc trôi lên, cành lá lay động như người nhảy múa, đây là việc thứ tư thế gian khó lường.

Lại như cây hoa Hảo Điều Ngâm, nghe tiếng chim hót liền lay động cành lá như người vỗ tay vui vẻ, đây là việc thứ năm thế gian khó lường.

Thế sự khó lường vô biên như thế, căn cảnh hữu vô còn phải thay đổi, cho nên thế tục ắt có, thắng nghĩa ắt không, người trí nào có lạ gì!

Luận Trung Quán có kệ:

Nhờ pháp biết có người,

Do người biết có pháp.

Lìa pháp đâu có người,

Lìa người đâu có pháp.

Pháp là nhãn, nhĩ, khô, lạc v.v..., người là bản trụ. Ông cho rằng vì có pháp nên biết có người, vì có người nên biết có pháp; nay lìa pháp nhãn, nhĩ ... làm sao có người, lìa người làm sao có pháp nhãn, nhĩ v.v...

Lại nữa, tất cả căn nhãn, nhĩ v.v... thật ra không có bản trụ. Các căn nhãn, nhĩ v.v... dị tướng mà phân biệt; các căn nhãn, nhĩ v.v..., các pháp khô, lạc ... thật ra không có bản trụ. Do nhãn duyên sắc sinh nhãn thức. Do nhân duyên hòa hợp biết có các căn nhãn, nhĩ v.v..., vì chẳng do bản trụ, cho nên trong kệ nói:

Các căn nhãn, nhĩ v.v...

Thật không có bản trụ

Các căn nhãn, nhĩ v.v...

Đều tự hay phân biệt.

Hỏi: Nếu các căn nhãn, nhĩ v.v... không có bản trụ, mỗi căn nhãn v.v... làm sao có thể biết trần ? Nếu tất cả các căn nhãn, nhĩ

v.v..., các pháp khổ lạc v.v... không có bản trụ, mỗi căn làm sao có thể biết trần ? Các căn không có tư duy chẳng lẽ có biết mà thật biết trần, nên biết lia các căn lại có khả năng biết trần.

Đáp: Nếu thế thì trong mỗi căn đều có biết là một người biết ở trong các căn, cả hai đều có lỗi. Vì sao ? Nếu các căn đều có biết thì thành nhiều người.

Nếu một người biết ở trong các căn, hoặc lúc mắt đang duyên sắc, cái biết ấy đã thuộc về mắt, khi thanh trần khởi nơi tai lẽ ra không nghe.

Kinh Vô Ngôn Thuyết có kệ:

*Địa giới trong ngoài không hai nghĩa,
Trí tuệ Như Lai hay giác liễu
Nó không hai tướng và bất nhị
Nhất tướng, vô tướng biết rõ ràng.*

Kinh Kim Quang Nữ ghi: “Văn-thù-sư-lợi bảo đồng nữ nên quán các cõi. Đồng nữ đáp: Văn-thù-sư-lợi, như lúc kiếp thiêu, ba cõi cũng vậy”.

Kinh Bát-nhã Ba-la-mật ghi: “Tất cả pháp ấy vô tri, vô kiến; vị thầy thuyết pháp cũng bất khả đắc, không thể dùng tâm phân biệt, không thể đem ý liễu tri”.

Kinh Phật Mẫu ghi: “Nhân giả, nhãn chẳng thấy sắc, cho đến ý chẳng biết pháp. Như thế bồ-đề là nên nhân sắc là, cho đến bồ-đề là nên ý pháp là v.v...”.

Kinh Nhập Lăng Già có kệ:

*Như dòng nước khô cạn
Sóng mòi chẳng dậy khởi
Ý thức diệt cũng thế
Các thức khác chẳng sinh.*

Lại có kệ:

*Trong đó không tâm thức,
Như bóng nắng hư không.
Biết các pháp như thế*

Mà chẳng biết một pháp.

Nói về Nhất thừa cứu cánh, luận Bảo Tánh có kệ:

Như tất cả thế gian,

Nương hư không sinh diệt

Nhờ vào vô lậu giới

Có các căn sinh diệt

Lửa chẳng thiêu hư không

Trái lại, không chuyện ấy.

Như vậy già bệnh chết

Chẳng thể thiêu Phật tánh

Đất trụ nương nhờ nước

Nước lại nương vào gió

Gió lại nương hư không

Hư không chẳng nương gá.

Như thế ấm, giới, căn

Trụ trong nghiệp phiền não

Các hoặc nghiệp phiền não

Trụ bất thiện tư duy

Bất thiện tư duy hành

Trụ trong tâm thanh tịnh

Tâm tự tính thanh tịnh

Chẳng trụ các pháp ấy.

Ấm, nhập, giới như đất

Nghiệp phiền não như nước

Chẳng chính niệm như gió

Tịnh tâm giới hư không.

Ý tính khởi tà niệm

Niệm khởi nghiệp phiền não

Hay khởi ấm, giới, nhập,

Nương tựa nơi năm ấm

Các pháp giới, nhập v.v...

Có các căn sinh diệt.

*Như thế giới thành hoại
Tịnh tâm như hư không
Không nhân cũng không duyên
Và không nghĩa hòa hợp
Cũng không sinh, trụ, diệt.
Tịnh tâm như hư không
Sáng suốt không thay đổi
Vì phân biệt hư vọng
Nhiễm khách trần phiền não
Năm hiện thức bất động,
Chỉ ý thức phân biệt.*

Kinh Thủ Lăng Nghiêm ghi: “Phật bảo A-nan: Thức tính không cội nguồn, do sáu căn trần vọng khởi, hôm nay ông nhìn kỹ từng người trong pháp hội Thánh chúng như gương soi không phân biệt, lần lượt chỉ ra đây là Văn-thù, đây là Phú-lâu-na, đây là Mục-kiền-liên, đây là Tu-bồ-đề, đây là Xá-lợi-phất v.v.. Năm hiện lượng trọn vẹn nhìn thấy như hình ảnh trong gương không phân biệt. Nếu ý căn thứ sáu tuần tự phân biệt chẳng phải thấy bằng hiện lượng của năm thức”.

Kinh nói: “Thức động, cái thấy lạng lẽ, nghĩa là cái thấy lạng lẽ là hiện lượng của năm thức, phân biệt là động”.

Kinh nói: “Vốn không từ đâu, thức tâm này xưa nay lạng lẽ, không nhờ tu mà được, xưa nay tịch lạng, năm thức hiện lượng cũng thế”.

Hỏi: Ý thức duyên bao nhiêu cảnh; làm thế nào phân biệt ba cảnh ba lượng ?

Đáp: Cổ đức nói: Ý thức thứ sáu là tỷ lượng, ý thức hay duyên ba đời, ba tính, ba cõi, một trăm pháp v.v.. Ý thức thứ sáu duyên các pháp ấy.

Có hai thứ ý thức: một là minh liễu, hai là độc đầu.

1- Minh liễu ý thức, nơi năm căn môn năm lấy năm trần cảnh là lúc niệm ban đầu cùng năm thức đồng duyên trong tâm trực tiếp

chỉ là hiện lượng và duyên năm trần cảnh. Nếu đã qua niệm sau thì gồm cả tỷ lượng, phi lượng. Khởi hiểu biết duyên sắc hư dối như dài ngắn v.v... đó là tỷ lượng, hoặc lúc trên năm trần khởi chấp là phi lượng. Như vậy minh liễu ý thức trước sau gồm cả ba lượng.

Trong ba cảnh, lúc duyên pháp thật năm trần là tính cảnh; lúc niệm sau tâm hiểu biết duyên sắc hư dối dài ngắn v.v... đó là chân độc ảnh tợ đới chất.

2- Độc đầu ý thức có ba:

a) Mộng trung độc đầu, cũng duyên 18 giới chỉ là độc ảnh cảnh chẳng thật. Cảnh trong mộng này chỉ thuộc pháp xứ, cũng không có bản chất.

b) Giác ngộ độc đầu, duyên tất cả pháp, gồm cả hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, thế gian, xuất thế gian, hữu thể, vô thể, lông rùa, sừng thỏ, hoa đốm trong hư không.

Hỏi: Giác ngộ ý thức lúc một niệm duyên 18 giới, có bao nhiêu tướng phần, bao nhiêu bản chất, bao nhiêu kiến phần ?

Đáp: Bản chất, tướng phần đều có 18 thứ, kiến phần chỉ có một thứ.

Hỏi: Tại sao có 18 tướng phần ?

Đáp: 18 tướng phần sinh khởi từ 18 bản chất liền có 18 tướng phần, như trong một gương thấy nhiều bóng người, bên ngoài có 18 người thật. Chỉ có một cái gương mà hiện ra 18 bóng người. Kiến phần cũng như thế, một kiến phần có thể duyên được 18 tướng phần, nếu chất ảnh có 18 phần, thế nên cảnh sở duyên không có lỗi. Nếu một niệm có 18 kiến phần thì có lỗi nhiều tâm.

c) Định trung độc đầu, cùng duyên 18 giới, một trăm pháp, cảnh quá khứ, vị lai và chân như v.v... hoặc giả, hoặc thật đều có thể duyên.

Trong ba lượng, minh liễu ý thức niệm trước niệm sau gồm cả ba lượng. Mộng trung độc đầu chỉ có phi lượng, vì chẳng xứng hợp cảnh. Giác ngộ độc đầu gồm ba lượng; lúc duyên pháp hữu thể, duyên năm cảnh giới v.v... Vì gồm hiện lượng; duyên ngũ căn giới,

thất tâm giới v.v... đây là tỷ lượng; duyên cảnh quá khứ, vị lai như hoa đốm v.v... gồm cả tỷ lượng, phi lượng. Định trung độ đầu chỉ là hiện lượng, tuy duyên pháp hư dối nhưng vì chẳng vọng chấp suy lường nên chỉ là hiện lượng.

Lại độ đầu ý thức là riêng sinh tán ý duyên ảnh tượng. Ảnh tượng là chư hữu cực vi, đó là cực hướng sắc và cực lược sắc đều là giả ảnh sắc. Chỉ ở nơi quán tâm phân tích từ sắc thô, cho đến tận cùng của sắc tạm lập cực vi, còn quán bóng dáng của tâm đều không thật thể.
